+TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/DS-ST
Ngày: 14-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Dương Thắng.

Ông Thạch Rích.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ:*** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2026/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh ngày 01/01/1967.

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số 094167010309.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1979.

Căn cước công dân số 094079002116.

2. Chị Nguyễn Kim L, sinh năm 1978.

Căn cước công dân số 094178002363.

Cùng nơi cư trú: Ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 13 tháng 01 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Vào ngày 26/2/2019, bà T có cho vợ chồng anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1979 và vợ là chị Nguyễn Kim L, sinh năm 1978 mượn số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đến ngày 18/03/2019, anh S có mượn thêm của bà T số tiền 7.000.000 đồng. Có làm đơn vay tiền, có chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Hồng S. Sau đó vợ anh S là chị Nguyễn Kim L có mượn thêm bà T số tiền 2.000.000 đồng nhưng không có làm giấy vay nợ. Hai vợ chồng hứa trả trong vòng 05 tháng và trong thời gian đó chỉ trả cho bà T được 720.000 đồng tiền lãi, sau đó thì không trả nữa.

Đến thời hạn trả nợ gốc, anh S và chị L cũng không trả nợ cho bà T như cam kết. Đến ngày 19/07/2022, bà T có đến nhà đòi nợ nhiều lần, thì chị L có viết cho bà T một tờ giấy xác nhận có nợ bà T tổng cộng 14.000.000 đồng. Hai vợ chồng anh S và chị L than hoàn cảnh nghèo khổ, không có khả năng trả liền, nên bà T thương tình cho anh S, chị L trả dần trong vòng 11 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, nhưng kể từ ngày ký giấy trả nợ tới nay hai vợ chồng anh S, chị L vẫn không trả tiền cho bà T. Theo bà T được biết, anh S hiện là giáo viên công tác tại trường T1, còn chị L có kinh doanh ăn uống tại nhà. Bà T có nhiều lần tìm đến nhà anh S, chị L nhắc nhở trả tiền nhưng hai người đều viện nhiều lý do từ chối trả tiền. Bà T thừa nhận có nhận tiền lãi do vợ chồng anh S, chị L đã trả được 03 lần với số tiền 2.160.000 đồng và bà T đồng ý trừ vào số tiền lãi từ khi vay đến ngày 19/7/2022.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L trả cho bà T số tiền vay vốn gốc 14.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 6 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Hồng S trình bày:

Anh Nguyễn Hồng S thừa nhận anh S và vợ là chị Nguyễn Kim L có vay của bà Đinh Thị T số tiền các lần tổng cộng là 14.000.000 đồng (trong đó: Lần 1 là 5.000.000 đồng vào ngày 26/02/2019, lần 2 là 7.000.000 đồng vào ngày 18/3/2019, lần 3 là 2.000.000 đồng không nhớ rõ ngày). Thỏa thuận bằng lời nói lãi suất của số tiền 14.000.000 đồng là 720.000 đồng/tháng.

Vợ chồng anh S có đóng lãi cho bà T rất nhiều lần, đóng vào khoảng ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng, tháng đầu tiên anh S đóng vào khoảng ngày 10 đến ngày 15/4/2019 là 720.000 đồng, về sau vẫn có đóng hàng tháng nhưng không nhớ rõ ngày, chỉ nhớ được vài lần. Tại buổi hòa giải của Tòa án, bà T thừa nhận có

nhận tiền lãi do vợ chồng anh S đã trả được 03 lần với số tiền 2.160.000 đồng và trừ vào số tiền lãi từ khi vay đến ngày 19/7/2022 thì anh S cũng đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh S đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc là 14.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tuy nhiên hiện tại gia đình đang khó khăn nên anh S xin được trả dần số tiền nêu trên mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 6 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Kim L trình bày:

Chị Nguyễn Kim L thừa nhận, chị L và chồng là anh Nguyễn Hồng S có vay tiền của bà Đinh Thị T tổng cộng 14.000.000 đồng (ngày 26/02/2019 vay số tiền 5.000.000 đồng, ngày 18/3/2019 vay số tiền 7.000.000 đồng và một lần vay số tiền 2.000.000 đồng không nhớ rõ thời gian), thỏa thuận tiền lãi 720.000 đồng/tháng/14.000.000 đồng. Sau khi vay, vợ chồng chị L có trả tiền lãi cho bà T được nhiều lần, trả không liên tục, không nhớ rõ số tiền lãi đã trả cho bà T tổng cộng là bao nhiêu vì trả tiền lãi không có làm biên nhận. Đến ngày 19/7/2022, chị L có viết tờ giấy cam kết trả tiền vay gốc và lãi cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả 11 tháng là dứt nợ. Tuy nhiên, vợ chồng chị L không thực hiện đúng như cam kết. Đến nay vợ chồng chị L vẫn còn nợ bà T số tiền vốn gốc 14.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải của Tòa án, bà T thừa nhận có nhận tiền lãi do vợ chồng chị L đã trả được 03 lần với số tiền 2.160.000 đồng và trừ vào số tiền lãi từ khi vay đến ngày 19/7/2022 thì chị L cũng đồng ý. Nay bà T yêu cầu vợ chồng chị L trả số tiền vay vốn gốc 14.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử, thì chị L xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn, các bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn thống nhất được số nợ tiền vay vốn gốc, thỏa thuận mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị đơn xin trả dần số tiền vay và lãi suất cho nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả toàn bộ số tiền vay vốn gốc và lãi suất cho nguyên đơn theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L cùng nơi cư trú: ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ. Người khởi kiện bà Đinh Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ buộc các bị đơn anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L trả số tiền vay vốn gốc và lãi suất. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho bà T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện của bà Đinh Thị T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc là 14.000.000 đồng và tính lãi suất 1,66%/năm, thời gian tính lãi tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử vụ án đối với số tiền gốc 14.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L đều thừa nhận các bị đơn có vay tiền của nguyên đơn tổng cộng 14.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền vay vốn gốc 14.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử cho nguyên đơn. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận các bị đơn có vay số tiền 14.000.000 đồng của bà Đinh Thị T là sự thật. Tuy nhiên do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên các bị đơn xin trả nợ dần cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không đồng ý theo đề nghị của các bị đơn và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bị đơn.

[5] Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ của bên vay như sau: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền vay vốn gốc 14.000.000 đồng, tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm và các bị đơn cũng thống nhất với mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu, việc thỏa thuận lãi suất trên giữa nguyên đơn với các bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Tiền lãi của số tiền vốn gốc 14.000.000 đồng {từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2026) là 47 tháng 14 ngày x lãi suất 1,66%/tháng} = 11.031.253 đồng.

[7] Từ những nhận định tại các đoạn [4], [5], [6] nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc 14.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 11.031.253 đồng. Tổng cộng số tiền vay vốn gốc và lãi là 25.031.253 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 15/7/2026), các bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền nợ vay vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vay vốn gốc này.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm:

[9.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.251.562 đồng (anh Nguyễn Hồng S nộp 625.481 đồng, chị Nguyễn Kim L nộp 625.481 đồng).

[9.2] Nguyên đơn bà Đinh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T về yêu cầu trả số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất đối với các bị đơn anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L.

2. Xử buộc các bị đơn anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị T số tiền vay vốn gốc 14.000.000 đồng và số tiền lãi là 11.031.253 đồng. Tổng cộng số tiền vay vốn gốc và lãi là 25.031.253 đồng (hai mươi lăm triệu không trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 15/7/2026), các bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền nợ vay vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vay vốn gốc này.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Kim L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.251.562 đồng (anh Nguyễn Hồng S nộp 625.481 đồng, chị Nguyễn Kim L nộp 625.481 đồng).

3.2. Nguyên đơn bà Đinh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 584.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010104 ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn, các bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn